

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-02-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quốc Văn Tài.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 202/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1993.

* Bị đơn: Anh Ma Văn Ch, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có mặt, anh Ch vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đường Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn Ch qua tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị và anh Ch sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi chửi nhau, anh Ch thường xuyên chơi bời, không chịu tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thời gian tháng 5/2021 chị bị đau ruột thừa phải

nằm viện để mổ nhưng anh Ch không quan tâm, không vào chăm sóc chị trong bệnh viện, chị và anh Ch sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn Ch.

- Về con chung: Chị và anh Ma Văn Ch có một con chung là cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn Ch, về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015 và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Ma Văn Ch đến để giải quyết việc chị Đường Thị T đề nghị ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn nhưng anh Ch không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện của chị Đường Thị T. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Ch vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Mã Thị Tập (mẹ ruột anh Ma Văn Ch) thì chị T và anh Ch kết hôn với nhau năm 2014 đến nay đã có với nhau một người con chung là cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình nên cả anh Ch và chị T cùng đi làm công nhân ở tỉnh Thái Nguyên nên bà không biết được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ch và chị T, lần gần đây nhất chị T và anh Ch có về thăm gia đình vào đợt 30/4/2021, từ đó đến nay cả chị T và anh Ch không về lần nào. Hiện nay anh Ch đang đi làm ở tỉnh Thái Nguyên nhưng anh Ch vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình bằng điện thoại, anh Ch không nói rõ cụ thể địa chỉ nơi ở, nơi làm việc nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Bà là người trực tiếp nhận các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh Ch và bà đã thông báo cho anh Ch biết. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ch, theo bà Tập thì anh Ch cũng nhất trí ly hôn với chị T, nhưng do tình hình dịch Covid - 19 nên anh Ch không về có mặt tại theo giấy triệu tập của Tòa án, anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Đường Thị T; cho chị Đường Thị T được ly hôn với anh Ma Văn Ch.

- Về con chung: Giao cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đường Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đường Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đường Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Ma Văn Ch; anh Ma Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Ma Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo thông tin từ gia đình, anh Ch đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không rõ anh Ch đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo, triệu tập, gia đình anh Ch đã thông báo cho anh Ch nhưng anh Ch vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Ma Văn Ch vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đường Thị T và anh Ma Văn Ch tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2014 tại UBND xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua kết quả xác minh tại Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa cho thấy: Chị T và anh Ch kết hôn với nhau vào năm 2014, sau khi kết hôn chị T và anh Ch

sinh sống tại Thôn BA, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh Ch sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, do hành cảnh kinh tế khó khăn nên cả chị T và anh Ch cùng đi làm công nhân, từ tháng 6/2021 đến nay thì chị T không về chung sống cùng anh Ch. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh Ch thực tế đã không tồn tại từ tháng 6 năm 2021 đến nay; chị T và anh Ch đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị T và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đường Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Ma Văn Ch.

[3] Về con chung: Chị Đường Thị T và anh Ma Văn Ch có 01 con chung là cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015, quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai, thông qua lời khai của bà Mã Thị Tập (mẹ đẻ của anh Ch) thì anh Ch cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai. Kết quả xác minh thì hiện chị Đường Thị T và anh Ma Văn Ch đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã B, mức thu nhập bình quân là 1.500.000 đến 1.700.000 đồng/người/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Mai còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ đẻ đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của trẻ nhỏ cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu Mai. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ma Văn Ch biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh Ch, nhưng anh Ch không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của mình khi ly hôn. Do vậy căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Đường Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của chị Đường Thị T. Xử cho chị Đường Thị T được ly hôn với anh Ma Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Trúc M, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đường Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003530 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ma Văn Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Bình Nhân;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ

